

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

V/v báo cáo kết quả thực hiện
Nghị quyết 35/NQ-CP
của Chính phủ (năm 2023)

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ trong năm 2023.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính gửi Văn phòng Chính phủ nội dung báo cáo kèm theo để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thường

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025

(Kèm theo Công văn số 1514/BGDĐT-KHTC ngày 03/4/2024 của Bộ GDĐT)

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025 (sau đây gọi là Nghị quyết 35), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 35 năm 2023 như sau:

I. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết 35

Các bộ, ngành, địa phương đã tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến tới các cấp, các ngành nhằm tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục. Một số tỉnh/thành phố đã ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa (XHH) trong lĩnh vực giáo dục¹.

II. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp được giao tại Nghị quyết 35

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục ngoài công lập

¹ Hà Nội ban hành Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 24/6/2023 của UBND Thành phố về chính sách ưu đãi tiền thuê đất trong các lĩnh vực: GDĐT, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố; Hải Dương ban hành Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 quy định chế độ ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư XHH trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Yên Bái ban hành Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 8/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp GDĐT; Phú Thọ ban hành Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích XHH trong lĩnh vực GDĐT, văn hóa, thể thao, môi trường; Quảng Trị ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh về việc Quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn khuyến khích XHH trên địa bàn tỉnh; Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo QĐ số 76/2019/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích XHH thuộc lĩnh vực GDĐT, giáo dục nghề nghiệp, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh; Hòa Bình ban hành nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường nguồn lực phát triển GDĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 27/3/2023 thực hiện Chương trình “hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2030”; Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 5/6/2023 về việc phê duyệt Đề án “rà soát, sắp xếp hệ thống trường, lớp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030”. UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tỉnh Vĩnh phúc; UBND thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Đề án “Xã hội hóa phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục ngoài công lập

Năm học 2022-2023, cả nước có 41.596 cơ sở giáo dục (CSGD) từ nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các CSGD đại học, trong đó: 3.982 CSGD ngoài công lập (gồm: 3.197 CSGD mầm non, 718 CSGD phổ thông và 61 trường đại học tư thục/dân lập và 6 trường đại học 100% vốn nước ngoài), với hơn 2 triệu học sinh, sinh viên ngoài công lập. Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, hiện có 3.915 CSGD ngoài công lập trong tổng số 41.355 cơ sở chiếm 9,47%, với gần 1,67 triệu học sinh trong tổng số hơn 23 triệu học sinh đạt 7,22% tăng so với năm học 2021-2022, số sinh viên đại học ngoài công lập là 416.570 sinh viên đạt 19,4% (nguồn: *dữ liệu thống kê của Bộ GDĐT*). Kết quả thực hiện các mục tiêu tại bảng dưới đây:

STT	Nội dung	Năm học 2022-2023 (%)
1	Số cơ sở giáo dục ngoài công lập (bao gồm mầm non, phổ thông, giáo dục đại học)	9,58
2	Số người học tại các CSGD ngoài công lập (bao gồm mầm non, phổ thông, giáo dục đại học)	8,25
3	Số CSGD mầm non ngoài công lập	20,73
4	Số trẻ học tại CSGD mầm non ngoài công lập	21,94
5	Số cơ sở giáo dục phổ thông	2,77
6	Số học sinh học tại CSGD phổ thông ngoài công lập	3,34
7	Số CSGD đại học ngoài công lập	27,57
8	Số sinh viên học tại các CSGD đại học ngoài công lập	19,42

a) Đối với giáo dục mầm non

Toàn quốc có 3.197 cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập (tỉ lệ 20,73%), giảm 29 trường so với năm học trước²; có 15.749 cơ sở là các nhóm/lớp độc lập, tăng 364 cơ sở³. Mạng lưới giáo dục mầm non (GDMN) ngoài công lập chủ yếu phát triển tập trung tại các địa phương thuộc vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông

² Các tỉnh/TP có biến động về số lượng trường ngoài công lập: TP. HCM -24; Hà Nội -14, Bình Phước + 5; Bắc Giang +4, Vĩnh Phúc +3.

³ TP.HCM +154, Thanh Hoá +69, Bình Dương +49, Ninh Thuận, Bình Thuận +41, Nghệ An +24, Nam Định +20.

Hồng, Bắc Trung Bộ, và tại các thành phố lớn, địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất.

Các địa phương đã tập trung chỉ đạo quy hoạch, cấp đất, mở rộng thêm diện tích đất cho giáo dục. Tại một số địa phương, tổng quỹ đất được quy hoạch cho toàn ngành giáo dục đã tăng đáng kể so với giai đoạn trước⁴.

Nhiều địa phương thực hiện có hiệu quả việc sáp nhập trường, dồn điền trường⁵, đầu tư cơ sở vật chất mở rộng quy mô trường mầm non, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của địa phương.

Công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở GDMN ở khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX) và việc thực hiện chế độ chính sách được quan tâm, một số địa phương đã đầu tư xây dựng các trường mầm non công lập trên địa bàn KCN, các xã/phường đều có trường/ cơ sở GDMN để đáp ứng nhu cầu gửi con của công nhân.

b) Đối với giáo dục phổ thông

Đầu năm học 2022-2023 toàn quốc có 14.484 cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (gồm 12.221 trường tiểu học, 2.095 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở, 188 trường liên cấp tiểu học-trung học cơ sở - trung học phổ thông, 55 trường quốc tế, 161 trường trực thuộc Sở; 14.125 trường công lập, 359 trường tư thục), với 15.517 điểm trường, so với năm học trước số lượng trường và điểm trường khá ổn định, với tỷ lệ bình quân 1,38 cơ sở giáo dục tiểu học/đơn vị hành chính cấp xã, tỷ lệ điểm trường/cơ sở giáo dục tiểu học là 1,07, trong đó nhiều cơ sở giáo dục tiểu học có từ 3 đến 5 điểm trường (chủ yếu ở các vùng, khu vực miền núi). Trong thời gian qua, các địa phương đã tích cực thực hiện sắp xếp lại mạng lưới, quy mô trường, lớp một cách phù hợp để tạo thuận lợi cho người dân, đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh; chú trọng duy trì, mở rộng số lượng lớp học và bổ sung phòng học kiên cố, bán kiên cố và giảm số phòng học tạm, mượn đáp ứng các yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục hiện hành theo quy định của Bộ GDĐT, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn bị sẵn sàng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở cấp tiểu học. Trung bình toàn quốc tỷ lệ phòng học/lớp là 0,98; trong đó phòng học kiên cố đạt 70%; phòng học bán kiên cố đạt 28,2%; phòng học tạm, mượn chiếm 1,8%; số phòng học còn thiếu và đang học nhờ, mượn là 1.509 phòng.

c) Đối với giáo dục nghề nghiệp

⁴ Thái Bình, Bắc Giang, Đắk Lắk, Đồng Nai, Quảng Bình, Trà Vinh, Đồng Tháp.

⁵ Bạc Liêu, Bắc Kạn, Bắc Giang, Quảng Bình, Bình Định.

Năm 2023, cả nước có 1.886 cơ sở Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) gồm 339 trường cao đẳng, 429 trường trung cấp và 1.058 trung tâm GDNN, trung tâm GDNN-GDTX (cơ sở có đăng ký hoạt động giáo dục nghề theo quy định tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN). Tổng số cơ sở GDNN ngoài công lập là 684 cơ sở (chiếm 36,2%).

Để có định hướng phát triển lâu dài các cơ sở GDNN ngoài công lập theo chủ trương của Đảng, quy định của Luật GDNN, Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 đã đề ra các mục tiêu: Đến năm 2025, nâng tỷ lệ cơ sở GDNN tư thục, cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài lên khoảng 45%; Đến năm 2030, nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài lên khoảng 50% và có giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát, thực hiện quy hoạch bao gồm: “Đẩy mạnh phát triển số lượng các cơ sở GDNN tư thục và cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó ưu tiên các cơ sở đào tạo các ngành, nghề kỹ thuật - công nghệ cao tại các khu vực ngoài đô thị”.

d) Đối với giáo dục đại học

Tính đến năm 2023, tổng số có CSGD đại học là 243, trong đó có 67 CSGD ngoài công lập với số sinh viên đại học ngoài công lập là 416.570 sinh viên, đạt 19,4% trong tổng số sinh viên (2.145.426 sinh viên).

Tính đến ngày 31/5/2023, có 183 CSGD đại học đã kiểm định chu kỳ 1 (trong đó có 42 CSGD đại học đã kiểm định chu kỳ 2) và 11 trường cao đẳng sư phạm được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; 805 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn Bộ GDĐT ban hành. Theo tiêu chuẩn nước ngoài, có 09 trường đại học được đánh giá ngoài và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của Hội đồng Cấp cao về Đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp (HCERES), AUN-QA, FIBAA và QAA; 393 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi 10 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài có uy tín.

Các CSGD đại học Việt Nam tiếp tục được xếp hạng cao và tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế. Có thêm 02 CSGD đại học (tổng là 05 cơ sở) có tên trong bảng xếp hạng QS World University Rankings 2023; và năm 2023 có 09 cơ sở GDĐH Việt Nam có trong bảng xếp hạng THE Impact Rankings năm 2023.

Một số tổ chức, tập đoàn hỗ trợ, tài trợ các CSGD đại học hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp. Cụ thể:

- Tập đoàn Trung Nguyên (thời gian 2018-2023) hỗ trợ: Tổ chức được 20 hành trình khởi nghiệp tại các cơ sở giáo dục và đào tạo. Hỗ trợ 01 không gian chung cho trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Hỗ trợ sách khởi nghiệp cho gần 300.000 học sinh sinh viên. Hỗ trợ kinh phí giải thưởng cho các đội đoạt giải tại Cuộc thi học sinh sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp hằng năm cụ thể: Năm 2018: 600 triệu đồng; Năm 2019: 425 triệu đồng; Năm 2020: 140 triệu đồng và Năm 2022, 2023: 280 triệu đồng.

- Tổ chức Good Neighbors International (GNI), phối hợp triển khai Dự án “*Phát triển Công tác xã hội và Tư vấn tâm lý trong trường học giai đoạn 2022 - 2024*” do Tổ chức GNI viện trợ (gọi tắt là Dự án GNI). Tổng nguồn kinh phí huy động viện trợ của GNI để thực hiện Dự án là 5.475.600.000 đồng, tương đương 240.000 USD (theo Quyết định số 950/QĐ-BGDĐT ngày 03/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính năm 2023)

- Tổ chức The Happiness Foundation, phối hợp triển khai Dự án Tăng tốc khởi nghiệp tạo tác động xã hội: Hỗ trợ sinh viên phát triển dự án khởi nghiệp tạo tác động xã hội sau Ngày Hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên, được phê duyệt bởi Quyết định số 2532/QĐ-BGDĐT ngày 31/8/2023, theo đó từ năm 2023 đến năm 2025, tổng vốn dự án là: 5.954.760.000 đồng, tương đương 252.000 USD.

đ) Đối với giáo dục thường xuyên

Tăng cường XHH đối với giáo dục thường xuyên (GDTX) thông qua mô hình các cơ sở GDTX; đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở GDTX, nhất là các trung tâm tin học, ngoại ngữ. Cụ thể:

- Đẩy mạnh phát triển mô hình các trung tâm ngoại ngữ, tin học tư thực; tham mưu phát triển mô hình các cơ sở khác thực hiện nhiệm vụ GDTX.

- Tham mưu Chính phủ phát triển loại hình các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX và các trung tâm học tập cộng đồng tư thực.

Theo số liệu báo cáo thống kê của các Sở GDĐT, năm học 2022-2023, tổng số cơ sở GDTX là 18.557 trung tâm (tăng 1.036 trung tâm so với năm học 2021-2022), cụ thể:

+ Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN - GDTX: 620 trung tâm, trong đó có 91 trung tâm GDTX và 529 trung tâm GDNN - GDTX (giảm 12 trung tâm so với năm học 2021 – 2022);

+ Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ): 10.491 trung tâm (giảm 199 trung tâm so với năm học 2021-2022), đạt tỷ lệ 98,98% xã/phường/thị trấn có TTHTCĐ. Trong đó, có 9.142 TTHTCĐ và 1.340 HTCĐ hoạt động kết hợp với

trung tâm Văn hóa-Thể thao cấp xã (chiếm 12,77% tổng số trung tâm). Do vậy, các Sở GDĐT cần tăng cường phối hợp với các sở ban, ngành, đơn vị liên quan rà soát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá lại hiệu quả hoạt động của mô hình này trong thời gian tới và có báo cáo cụ thể về Bộ GDĐT.

Theo số liệu báo cáo của các địa phương, năm 2023 có 322 dự án XHH giáo dục (trong đó có 20 dự án XHH có vốn đầu tư nước ngoài; 138 dự án liên doanh liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập). Tổng số vốn đầu tư cho công tác XHH hơn 4 nghìn tỷ đồng (trong đó đầu tư cho cơ sở giáo dục ngoài công lập là 3,3 nghìn tỷ đồng và kinh phí đầu tư từ liên doanh liên kết là 114,7 tỷ đồng), tổng diện tích đất bố trí cho các dự án là 1.898,9 m² (chi tiết tại Phụ lục gửi kèm).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

a) Hoàn thiện thể chế

Bộ GDĐT đã ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2023 của Bộ GDĐT⁶; Kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 của Bộ GDĐT⁷. Ban hành Chỉ thị của Bộ trưởng về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục⁸ nhằm chấn chỉnh và thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁹; công bố thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GDĐT¹⁰. Bộ GDĐT đã trình Chính phủ 02 Nghị định để thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC¹¹. Theo đó, số lượng quy định kinh doanh và TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh và TTHC là 107 quy định, tại 03 văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT ngày 26/6/2023 Quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm làm căn cứ cho việc đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo

⁶ Quyết định số 301/QĐ-BGDĐT ngày 19/01/2023.

⁷ Kế hoạch số 726/KH-BGDĐT ngày 09/5/2023 của Bộ GDĐT.

⁸ Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

⁹ Tại Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 28/02/2023 về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo.

¹⁰ Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023.

¹¹ Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (đã trình Chính phủ lần 3, hiện đang tổng hợp ý kiến của Thành viên Chính phủ); Nghị định thay thế Nghị định số 46/2017/NĐ-CP và Nghị định số 135/2018/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục.

dục và đề khuyến nghị xây dựng, điều chỉnh chính sách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

Bộ GD&ĐT đang hoàn thiện hồ sơ Nghị định bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đã có Tờ trình Chính phủ đề nghị phê duyệt dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung; Nghị định về quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (thay thế Nghị định số 46/2017/NĐ-CP và Nghị định số 135/2018/NĐ-CP), hiện nay đang hoàn thiện tiếp thu, giải trình ý kiến các Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định.

Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 08/11/2023 phê duyệt Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030. Đội ngũ trí thức, khoa học công nghệ từng bước được hình thành, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng¹².

Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ (Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 14/3/2023, số 203/TTr-BTC ngày 21/9/2023 và số 276/TTr-BTC ngày 18/12/2023) về việc ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công để đảm bảo việc thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa đồng bộ, công khai, minh bạch; trong trường hợp cần thiết phải có chính sách ưu đãi cao hơn thì cần thiết nghiên cứu sửa đổi các Luật hiện hành.

Ngày 04/5/2023, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó Ban Bí thư đã chỉ đạo đối với công tác thu hút nguồn lực đối với GDNN “Đẩy mạnh XHH, hợp tác công - tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển GDNN, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực, địa bàn mà khu vực ngoài công lập có thể tham gia”.

¹² 13 nhà khoa học Việt Nam có mặt trong danh sách xếp hạng của Research.com (cổng thông tin điện tử uy tín dành cho các nhà khoa học thế giới) ở 7 lĩnh vực: Khoa học máy tính, Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa học Môi trường, Khoa học Vật liệu, Kỹ thuật cơ khí và Hàng không vũ trụ, Y học cộng đồng và Khoa học xã hội và nhân văn.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã đưa ra quan điểm: “đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển GDNN”, đồng thời tiếp tục khẳng định sự cần thiết của việc xây dựng cơ chế, chính sách gắn kết GDNN với doanh nghiệp và khuyến khích doanh nghiệp tham gia GDNN: Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở GDNN và tham gia hoạt động GDNN; Hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động hợp tác giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp một cách thực chất thông qua các hoạt động liên kết cụ thể. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hướng tới đổi mới sáng tạo...

b) Cải thiện môi trường đầu tư

Hiện nay, Bộ GDĐT đang xúc tiến xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dự kiến sẽ ban hành trong năm 2024.

Bộ GDĐT đã hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018, trong đó: (1) Bổ sung quy định liên quan đến việc thành lập và hoạt động phân hiệu của các CSGD đại học nước ngoài; (2) Bổ sung đối tượng thực hiện liên kết giáo dục bao gồm tổ chức giáo dục quốc tế và CSGD quốc tế.

Thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg và Chiến lược tăng cường gắn kết kinh tế Việt Nam - Ô-xtrây-li-a, phối hợp với Đại sứ quán Ô-xtrây-li-a tại Việt Nam xây dựng Chương trình tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về hợp tác, đầu tư và quốc tế hóa giáo dục (dự kiến tổ chức tập huấn trong năm 2024)¹³. Phối hợp với Hội đồng Anh tổ chức Diễn đàn hợp tác giáo dục đại học với chủ đề “*Nâng tầm hợp tác liên kết đào tạo giữa Vương quốc Anh và Việt Nam*”; Sáng kiến thành lập Nhóm công tác chung giữa Bộ GDĐT Việt Nam và Bộ Giáo dục Ô-xtrây-li-a về thúc đẩy cơ sở giáo dục đại học Ô-xtrây-li-a thành lập phân hiệu tại Việt Nam.

Sự hiện diện của các CSGD đại học có vốn đầu tư nước ngoài và chương trình liên kết đào tạo tạo cơ hội thuận lợi để giáo dục Việt Nam tiếp cận với nguồn tri thức mới, với những mô hình giáo dục tiên tiến, đồng thời tranh thủ được nguồn lực của các nước để phát triển giáo dục. Theo đó, hoạt động hợp tác, đầu tư giữa

¹³ Kế hoạch số 1857/KH-BGDĐT ngày 09/11/2023

các đối tác trong và ngoài nước thuộc cả khu vực nhà nước và tư nhân đã góp phần quan trọng trong công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đóng vai trò tích cực đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Một số tỉnh đã xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển GDMN; đẩy mạnh chính sách khuyến khích XHH giáo dục để thúc đẩy phát triển GDMN ngoài công lập như: hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng trong ranh giới thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt¹⁴, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng để xây dựng trường mầm non, miễn thuế thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án, tạo môi trường thông thoáng để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở GDMN¹⁵.

Một số tỉnh/thành phố đã tạo cơ chế cho nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất trường mầm non, sau đó bàn giao cho UBND huyện, thành phố để phát triển thêm trường công lập tại KCN - KCX để nuôi dạy con em công nhân và con em nhân dân trên địa bàn. Trẻ học tại các trường mầm non này, phụ huynh chỉ đóng một phần tiền ăn còn lại công ty hỗ trợ 100% học phí và các khoản phụ thu khác¹⁶.

Bên cạnh việc tham gia XHH giáo dục của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đang có những chuyển biến tích cực, một số trường mầm non, phổ thông nhiều cấp học có yếu tố nước ngoài đã được thành lập để đáp ứng nhu cầu học tập cho con em chuyên gia nước ngoài và học sinh Việt Nam. Nhờ vậy, học sinh và đội ngũ nhà giáo có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với chương trình đào tạo nước ngoài, với nội dung, phương pháp tiên tiến, hiện đại, các tài liệu, học liệu nước ngoài; hoặc giao lưu trực tiếp với người nước ngoài để tìm hiểu, học hỏi tiếp thu văn hóa và tri thức nhân loại, đồng thời chuyển tải văn hóa Việt Nam đến các dân tộc và quốc gia trên thế giới.

c) Đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các CSGD công lập

Hiện nay, cơ chế tự chủ tài chính của các cơ sở GDĐT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung thống nhất với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành nghề, lĩnh vực khác. Tại Mục 2 Chương III của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP có quy định một số nội dung đặc thù đối với các cơ sở GDĐT, GDNN. Đến nay, Bộ GDĐT đã có 21 đơn vị tự chủ tài chính (bao gồm các đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự chủ chi thường xuyên, tăng 13 đơn vị so với giai đoạn 2015-

¹⁴ Bắc Ninh (cơ sở ngoài công lập có dự án đầu tư xây dựng trường ngoài công lập được hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng thương mại, tối đa không quá 6,5%, thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, tối đa không quá 05 năm).

¹⁵ Bắc Giang, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...

¹⁶ Đồng Nai.

2020) trong số 100 đơn vị sự nghiệp GDĐT công lập và đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, đạt tỷ lệ 21% số đơn vị tự chủ tài chính so với mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII là có 10% đơn vị tự chủ tài chính, vượt 11%.

Các đơn vị từng bước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động.

Phần lớn các trường tích cực triển khai tự chủ tài chính đã thu được những kết quả tích cực; trong đó, tự chủ về học phí và quy chế tài chính, chi tiêu nội bộ tạo thuận lợi trong triển khai và mang lại tác động tích cực cho các CSGD.

d) Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục (KBCLGD)

- Về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Các địa phương đã tích cực triển khai các Chương trình, Đề án của Chính phủ với mục tiêu bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Cùng với đó, các dự án ODA, các Chương trình, Đề án có nguồn vốn ngân sách trung ương là cơ sở để các địa phương huy động các nguồn lực bảo đảm cơ sở vật chất trường, lớp học. Kết cấu hạ tầng các cấp học được tăng cường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Đến nay, cơ sở vật chất của trường mầm non tại các địa phương được cải thiện đáng kể, đầu tư xây dựng khang trang hơn, đồng bộ hơn, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học hằng năm tiếp tục được tăng cường đầu tư theo hướng kiên cố, hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ đến trường đặc biệt là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Theo số liệu thống kê năm học 2022 - 2023, cả nước có 14.890 trường (tỷ lệ 97.1%) có sân chơi riêng, có thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định; có 167.200 nhóm, lớp (82.3%) có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; có 28.661 bếp ăn, với 46.046 phòng tổ chức ăn cho trẻ; 20.078 công trình vệ sinh.

- Công tác kiểm định chất lượng trường mầm non được đẩy mạnh, đội ngũ đánh giá ngoài được bồi dưỡng và phát triển... Các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và tích cực tổ chức thực hiện việc rà soát, xây dựng, kiểm tra, công nhận, công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT. Nhiều sở GDĐT chủ động tham mưu với Ủy ban nhân

dân tỉnh, thành phố tiếp tục đầu tư nguồn lực, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn năm 2018-2023 gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Theo khảo sát tháng 7/2023, toàn quốc hiện có 15.334 trường mầm non, trong đó 8.722 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 56.9%, tăng 1.773¹⁷ trường (11.3%) so với năm học 2017-2018.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh thông tin, truyền thông

Các bộ, ngành thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 35 tới cán bộ, công chức, viên chức, giảng viên, giáo viên ngành giáo dục; đặc biệt Thông tấn xã Việt Nam có các bài tin đề cập đến một số nội dung chính sách của Nghị quyết 35, trong đó tập trung vào những giải pháp và nhiệm vụ của từng bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố và các CSGD nhằm tăng cường huy động nguồn lực của các cá nhân, tổ chức ở cả trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục; có nhiều tin bài về thực hiện chủ trương tự chủ tại các CSGD đại học; thông tin về công tác kiểm định các chương trình đào tạo của các CSGD đại học trong nước và quốc tế, đồng thời có nhiều tin, bài giới thiệu về những kinh nghiệm, mô hình thu hút đầu tư cho lĩnh vực giáo dục – đào tạo, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục của các nước¹⁸.

Năm 2023, Bộ trưởng phê duyệt, ký ban hành Quyết định số 1204/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2023 về việc tổ chức lại Trung tâm Truyền thông giáo dục và Trung tâm Hội nghị giáo dục thành Trung tâm Truyền thông và Sự kiện trực thuộc Văn phòng Bộ. Trung tâm Truyền thông và Sự kiện là đầu mối phối hợp với các cơ quan thông tấn, truyền thông và báo chí. Trung tâm đã kết nối với mạng lưới nhà báo theo dõi giáo dục, đến từ hầu hết các cơ quan thông tấn báo chí. Mỗi quan hệ gắn kết này góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh truyền thông giáo dục. Nhiều tin bài, thông tin do Trung tâm Truyền thông và Sự kiện chủ động xây dựng hoặc lựa chọn để gửi cho các cơ quan thông tấn, truyền thông và báo chí sử dụng. Cổng thông tin điện tử và Fanpage Facebook của Bộ GDĐT cũng là những kênh thông tin chính thống được các cơ quan thông tấn, truyền thông và báo chí khai thác, sử dụng, qua đó góp phần lan tỏa các thông tin về giáo dục, trong đó có truyền thông về xã hội hóa giáo dục.

Một số đơn vị đã chủ động lồng ghép, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của nhà nước về công tác XHH, hướng dẫn các cơ sở giáo dục chủ

¹⁷ Các địa phương có số trường MN đạt CQG tăng cao so với năm học 2017-2018: Hà Nội 175, Thanh Hóa 128, Bình Dương 79, TP. HCM 66, Gia Lai, Long An 54, Tiền Giang 52, Lâm Đồng 51, Hưng Yên 50; Một số tỉnh/TP có tỉ lệ rất cao, đạt trên 90%: Ninh Bình 98.7%, Hà Nam 95%, Bắc Giang, Thái Bình 94.4%, Vĩnh Phúc 93.9%, Bắc Ninh 91.5%. Bên cạnh, vẫn còn các địa phương có tỉ lệ rất thấp so với tỉ lệ chung toàn quốc: TP. HCM 18.1%, Bình Dương, Trà Vinh 21.5%,...

¹⁸ Hàn Quốc, Singapore, Anh, Canada, Mỹ, Bỉ, Mexico, Thụy Sĩ...

động xây dựng các chương trình huy động nguồn lực của xã hội trong việc triển khai các dịch vụ giáo dục chất lượng cao cho người học.

Các địa phương thực hiện việc tuyên truyền, bổ biến các chính sách trong công tác XHH, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản, tổ chức triển khai đến Sở GDĐT, UBND huyện và các Phòng GDĐT căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để chỉ đạo các đơn vị cùng phối hợp thực hiện. Chủ động xây dựng các bài chuyên sâu tuyên truyền về các chủ trương, chính sách về giáo dục; trong đó đã có nhiều chương trình phóng sự truyền hình, chuyên đề về tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số, công tác an toàn, xây dựng trường học lấy trẻ làm trung tâm trên truyền hình, báo Nhân dân, Giáo dục Thời đại...

III. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

1. Hạn chế, khó khăn

Việc thu hút các nguồn lực của xã hội vào các cơ sở giáo dục gặp nhiều khó khăn. Mặc dù đã có nhiều chủ trương, chính sách theo hướng tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở công lập; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng; các nguồn lực của xã hội huy động chủ yếu thông qua học phí, tài trợ học bổng, chưa huy động được sự tham gia rộng rãi, góp phần tích cực của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước... việc thực hiện cơ chế tự chủ mới bước đầu triển khai ở lĩnh vực giáo dục đại học.

- Năm 2023, công tác xúc tiến đầu tư trong giáo dục đã được quan tâm nhưng còn thiếu đồng bộ và tính chiến lược. Các hình thức xúc tiến đầu tư chưa đa dạng, lực lượng xúc tiến đầu tư mỏng, tính chuyên nghiệp chưa cao. Công tác phối hợp với các địa phương còn nhiều hạn chế. Môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam, tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn chưa tạo được đột phá trong thu hút đầu tư giáo dục.

- Các quy định liên quan đến giấy phép lao động cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên nước ngoài vào Việt Nam vẫn bị coi là rào cản lớn. Cụ thể: Thủ tục cấp giấy phép lao động mất khá nhiều thời gian. Bên cạnh đó, giấy phép lao động cho người nước ngoài ở Việt Nam có thời hạn là 02 năm, mỗi lần gia hạn cũng chỉ được 02 năm. Quy định này gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam trong việc thu hút giảng viên, chuyên gia nước ngoài.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để chuyển đổi một số cơ sở GDMN công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa để phát triển GDMN và việc khuyến khích xã hội hóa việc xây dựng và phát triển trường mầm non chất lượng cao còn vướng mắc vì Luật Giáo dục chưa quy định.

- Công tác XHH, huy động nguồn lực của một số địa phương chưa cao; việc

mở rộng loại hình trường mầm non ngoài công lập chưa được phát triển.

- Cơ sở GDMN ngoài công lập, đặc biệt là cơ sở GDMN độc lập đặc thù hoạt động không ổn định.

- Việc quy hoạch phát triển các KCN không đồng bộ với quy hoạch phát triển hệ thống trường, lớp cho con em công nhân, người lao động.

- Các doanh nghiệp còn khó khăn trong việc đầu tư xây dựng và duy trì hoạt động trường, lớp mầm non trong các KCN trong khi các địa bàn có KCN, KCX dân số cơ học tăng nhanh, luôn biến động do công nhân làm việc chủ yếu theo hợp đồng ngắn hạn, công tác dự báo số trẻ đến trường/lớp mầm non khó chính xác.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính nhìn chung còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao; nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước cấp phát; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá; chưa thực sự đồng bộ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tự chủ về tài chính.

- Tại một số địa phương việc thực hiện các chính sách còn chậm, chưa triển khai được các dịch vụ sự nghiệp không sử dụng ngân sách nhà nước.

Một số địa phương có điều kiện kinh tế-xã hội phát triển đã thực hiện chuyển đổi trường mầm non công lập sang tư thục từ trước năm 2019¹⁹. Tuy nhiên, từ khi Luật Giáo dục 2019 ban hành, chỉ cho phép chuyển đổi mô hình trường tư thục sang trường tư thục không vì lợi nhuận. Do đó, không có căn cứ để chuyển đổi mô hình trường công lập sang trường tư thục đối với cấp học mầm non.

- Nhiều địa phương chưa thu hút được các nhà đầu tư tham gia phát triển GDMN, nhất là ở khu vực KCN, KCX; vấn đề trường, lớp mầm non phục vụ con công nhân ở khu vực KCN, KCX vẫn còn nhiều bất cập.

- Chính sách vay tín dụng ưu đãi để phát triển trường, lớp mầm non còn nhiều bất cập về thủ tục hành chính, nhà đầu tư thiếu cơ hội tiếp cận các nguồn tín dụng cho vay với lãi suất thấp.

- Việc thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại một số địa phương còn khó khăn, bất cập; nhiều cơ sở GDMN độc lập tư thục không đủ điều kiện về đất sử dụng để nâng cấp lên quy mô trường.

Kết quả khảo sát cho thấy, việc đổi mới cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều hạn chế, bất cập. Việc thực hiện tự chủ tài chính còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao; nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân

¹⁹ Quảng Ninh (05 trường mầm non công lập được chuyển đổi sang tư thục, trong đó, có 04/05 trường sau khi chuyển đổi đã đi vào nền nếp và hoạt động tương đối hiệu quả; 01 trường giải thể và giao cho chủ đầu tư khác).

sách nhà nước cấp phát; chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá; chưa thực sự đồng bộ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tự chủ về tài chính.

- Việc huy động nguồn lực cho giáo dục còn chậm do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chậm được ban hành để tạo cơ chế, khung pháp lý cho mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động GDTX.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Một trong các nguyên nhân chính là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có tiến độ còn chậm. Ví dụ: Nghị định bổ sung, sửa đổi Nghị định số 46/2017/NĐ-CP quy định đầu tư trong lĩnh vực giáo dục còn chậm so với thực tế.

Công tác tuyên truyền về XHH chưa được đầu tư bài bản và coi trọng như một yếu tố quan trọng trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào giáo dục. Điều đó dẫn đến nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về việc huy động các nguồn lực đầu tư cho GDĐT chưa đầy đủ và đúng ý nghĩa, người dân vẫn còn định kiến về giáo dục tư thực.

Còn phổ biến tâm lý coi trọng, tin tưởng trường công hơn trường tư; thực hiện chủ trương XHH của một số ban, ngành, địa phương chưa thực sự quyết liệt, thường xuyên và bài bản, trong đó vấn đề quy hoạch phát triển chung của hệ thống giáo dục (bao gồm cả công lập và ngoài công lập) chưa bảo đảm nguyên tắc cân đối cung cầu trong dài hạn.

Công tác quy hoạch của địa phương còn bất cập, chưa đánh giá, dự báo sát thực với yêu cầu phát triển của địa phương và nhu cầu của nhà đầu tư dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa. Một số dự án mang tính cấp thiết cần mời gọi đầu tư nhưng không nằm trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể, quy hoạch xây dựng, phải điều chỉnh quy hoạch, thời gian giải quyết thủ tục đầu tư kéo dài; công tác hướng dẫn nhà đầu tư chọn địa điểm đầu tư dự án gặp lúng túng vì “quỹ đất sạch” của địa phương còn hạn hẹp; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, vượt quá khả năng ngân sách của cấp huyện; một số nơi hạ tầng giao thông, điện nước chưa đảm bảo...

Việc kiểm tra, giám sát trong các hoạt động cần phải được thực hiện thường xuyên, kết hợp sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của nhiều ngành, cơ quan liên quan.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Chính phủ

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến khích XHH đối

với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường phù hợp với Luật đất đai, Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017; ban hành các quy định đặc thù trong việc ưu đãi đất, cho thuê đất và tài sản công để thực hiện chính sách XHH giáo dục nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút nhà đầu tư phát triển GDDT; bổ sung một số quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với điều kiện hiện nay như “Xây dựng cơ sở vật chất cho thuê để thành lập các CSGD mầm non ngoài công lập với phí cho thuê hấp dẫn, đủ khuyến khích ở những nơi không thể phát triển CSGD mầm non công lập”. Chính phủ xem xét ban hành chính sách bình đẳng về chế độ đối với cán bộ, giáo viên công lập và ngoài công lập trong thi đua khen thưởng, xét danh hiệu nhà nước, đào tạo bồi dưỡng, tiếp nhận và chuyển chuyển cán bộ từ khu vực công sang khu vực tư và ngược lại. Việc thực hiện chính sách này sẽ từng bước xóa nhòa danh giới biên chế và không biên chế, khuyến khích CSGD ngoài công lập cạnh tranh lành mạnh, thu hút người giỏi về công tác.

- Hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục năm 2019 nhằm phân loại trường tư thực lợi nhuận và tư thực phi lợi nhuận.

- Chỉ đạo các đơn vị tăng cường việc thanh tra, kiểm tra việc thi hành Luật Doanh nghiệp, chính sách pháp luật về thuế, Luật Đầu tư và các chính sách khuyến khích XHH ở các địa phương.

- Giao các đơn vị theo chức năng đề xuất và ban hành cơ chế “giao nhiệm vụ” đối với các tổ chức tín dụng khi xét cấp tín dụng cho các cơ sở GDNN XHH theo tinh thần “hỗ trợ và đồng hành”. Xây dựng và hoàn thiện các quy định để thu hút chuyên gia là lao động tay nghề cao của doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN và tham gia với vai trò chuyên gia hướng dẫn thí sinh thi kỹ năng nghề khu vực và thế giới.

2. Đối với các bộ, ngành

- Ban hành các quy định đặc thù trong việc ưu đãi đất, cho thuê đất và tài sản công để thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút nhà đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo.

- Điều chỉnh và bổ sung cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài: Cơ sở giáo dục đào tạo có 100% vốn nước ngoài, hoặc một phần vốn nước ngoài hoặc cơ sở giáo dục do người Việt Nam đầu tư nhưng thực hiện chương trình giảng dạy và có giáo viên người nước ngoài.

3. Đối với các địa phương

- Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về XHH giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng CSGD mầm non phục vụ nhu cầu chăm

sóc giáo dục trẻ của công nhân, người lao động ở các KCN, KCX và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư.

- Chú trọng phát triển các CSGD ngoài công lập khi xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục tại địa phương.

- Đẩy mạnh cải cách TTHC, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho nhà đầu tư; đối xử bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch không phân biệt CSGD công lập và CSGD ngoài công lập.

- Đẩy mạnh thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Công văn số **1514** /BGDDĐT-KHTC ngày **03/4/2024** của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Năm 2023											
STT	Loại hình/lĩnh vực	Tổng số dự án được cấp phép và hoạt động			Kinh phí đầu tư của các Dự án (triệu đồng)	Trong đó			Tổng số diện tích đất đã bố trí cho các CSGD từ nguồn XHH (m2)	Các khoản huy động, tài trợ khác (triệu đồng)	
		Trong đó		Số DA từ vốn L.doanh, liên kết của đơn vị SNCL (cả trong và ngoài nước)							
		Tổng số DA được cấp phép và hoạt động	Số DA đầu tư nước ngoài		Số DA cho các CSGD ngoài công lập (cả trong và ngoài nước)	Số DA đầu tư nước ngoài					
	TỔNG	322	20	160	138	4.017.908	154.792	3.353.586	114.717	1.738.729	589.967
1	Giáo dục Mầm non	224	6	131	86	905.331	121.605	636.817	55.724	1.290.605	198.724
2	Tiểu học	59	7	7	44	585.363	16.180	534.120	44.499	138.239	125.022
3	Trung học cơ sở	19	7	4	7	518.230	17.008	480.087	14.235	21.242	90.459
4	Trung học phổ thông	19	0	17	1	2.008.984	0	1.702.562	259	288.643	175.762

(Handwritten mark)